

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **74/2021/DSST**
Ngày: **03/12/2021**

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản,
hợp đồng góp hội và hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Quốc An.**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Võ Thị Lệ.**

2. Bà **Lê Thị Ngọc Thúy.**

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Trần Hữu Vĩnh.**

Trong ngày **03** tháng **12** năm **2021**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2020/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản, hợp đồng góp hội và hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80A/2021/QĐXXST-DS ngày 19/4/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị H**, sinh năm 1970.(có mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị T (L)**, sinh năm 1971.(vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và bản tự khai đề ngày 23/9/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Huỳnh Thị H trình bày:*

- Bà H có cho chị Nguyễn Thị T(tên thường gọi Nguyễn Thị Mỹ L) vay số tiền tổng cộng 100.000.000 đồng, cụ thể như sau:

+ Vào ngày 15/04/2016 (nhằm ngày 09/3/2016 âm lịch) chị Tvay 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 2%, thời hạn trả là vào ngày 18/4/2017 (nhằm ngày 22/3/2017 âm lịch) chị Tsẽ trả vốn và lãi cho bà H. Khi vay tiền hai bên có làm biên nhận, biên nhận do chị Tviết và ký tên.

+ Vào ngày 28/04/2016 (nhằm ngày 22/3/2016 âm lịch) chị Tvay 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 2%, thời hạn trả là vào ngày 18/4/2017 (nhằm ngày 22/3/2017 ăm lịch) chị Tsẽ trả vốn và lãi cho bà H. Khi vay hai bên có làm biên nhận, biên nhận do chị Tviết và ký tên.

Nhưng đến hạn trả nợ chị Tkhông thực hiện, chị Tkhông trả cho bà H số tiền vốn và lãi nào.

- Ngoài ra, vào tháng 12/2016, bà H có bán thức ăn chăn nuôi heo cho chị Tvới hình thức gói đầu, khi nào chị Txuất chuồng bán heo sẽ trả tiền mua thức ăn cho bà H. Tính đến ngày 02/3/2017 chị Tnợ bà H số tiền mua thức ăn là 68.900.000 đồng. Đến

ngày 04/3/2017 chị Tbán heo xong chị trả cho bà H số tiền 15.000.000 đồng, như vậy chị Tcòn nợ bà H số tiền 53.900.000 đồng.

- Ngoài ra bà H có tham gia chơi hội do chị Tlàm thảo hội, cụ thể như sau:

+ Dây hội 1: Hội 2.000.000 đồng/tháng khai ngày 05/11/2015 (âm lịch), gồm 15 phần, bà H tham gia 02 phần, bà H đóng được 14 kỳ hội sống. Đến tháng 01/2017 (âm lịch) chị Ttuyên bố bế hội. Bà H và chị Tthống nhất số tiền vốn bà H đóng cho dây hội này tổng cộng là 39.380.000 đồng.

+ Dây hội 2: Hội 2.000.000 đồng/tháng khai ngày 20/12/2015 (âm lịch), gồm 15 phần, bà H tham gia 02 phần, bà H đóng được 13 kỳ hội sống. Đến tháng 01/2017 (âm lịch) chị Ttuyên bố bế hội. Bà H và chị Tthống nhất số tiền vốn bà H đóng cho dây hội này tổng cộng là 36.290.000 đồng.

+ Dây hội 3: Hội 3.000.000 đồng/tháng khai ngày 20/01/2016 (âm lịch), gồm 11 phần, bà H tham gia 01 phần, dây hội này mãn vào ngày 20/12/2016 (âm lịch) bà H hốt hội được số tiền 33.000.000 đồng. Nhưng chị Tchưa giao tiền hội cho bà H thì đến tháng 01/2017 âm lịch chị Ttuyên bố bế hội.

- Dây hội 4: Hội 2.000.000 đồng/tháng khai ngày 20/01/2016 (âm lịch), gồm 15 phần, bà H tham gia 02 phần, bà H đóng được 12 kỳ hội sống. Đến tháng 01/2017 (âm lịch) chị Ttuyên bố bế hội. Bà H và chị Tthống nhất số tiền vốn bà H đóng cho dây hội này tổng cộng là 32.990.000 đồng.

- Dây hội 5: Hội 2.000.000 đồng/tháng khai ngày 30/02/2016 (âm lịch), gồm 15 phần, bà H tham gia 02 phần, bà H đóng được 10 kỳ hội sống. Đến tháng 01/2017 (âm lịch) chị Ttuyên bố bế hội. Bà H và chị Tthống nhất số tiền vốn bà H đóng cho dây hội này tổng cộng là 29.900.000 đồng.

- Dây hội 6: Hội 1.000.000 đồng/tháng khai ngày 25/05/2016 (âm lịch), gồm 15 phần, bà H tham gia 02 phần, bà H đóng được 08 kỳ hội sống. Đến tháng 01/2017 (âm lịch) chị Ttuyên bố bế hội. Bà H và chị Tthống nhất số tiền vốn bà H đóng cho dây hội này tổng cộng là 11.440.000 đồng.

- Dây hội 7: Hội 2.000.000 đồng/tháng khai ngày 25/7/2016 (âm lịch), gồm 15 phần, bà H tham gia 02 phần, bà H đóng được 06 kỳ hội sống. Đến tháng 01/2017 (âm lịch) chị Ttuyên bố bế hội. Bà H và chị Tthống nhất số tiền vốn bà H đóng cho dây hội này tổng cộng là 18.020.000 đồng.

- Dây hội 8: Hội 2.000.000 đồng/tháng khai ngày 30/8/2016 (âm lịch), gồm 15 phần, bà H tham gia 02 phần, bà H đóng được 04 kỳ hội sống. Đến tháng 01/2017 (âm lịch) chị Ttuyên bố bế hội. Bà H và chị Tthống nhất số tiền vốn bà H đóng cho dây hội này tổng cộng là 12.100.000 đồng.

- Dây hội 9: Hội 2.000.000 đồng/tháng khai ngày 10/9/2016 (âm lịch), gồm 15 phần, bà H tham gia 02 phần, bà H đóng được 04 kỳ hội sống. Đến tháng 01/2017 (âm lịch) chị Ttuyên bố bế hội. Bà H và chị Tthống nhất số tiền vốn bà H đóng cho dây hội này tổng cộng là 11.580.000 đồng.

- Dây hội 10: Hội 2.000.000 đồng/tháng khai ngày 15/11/2016 (âm lịch), gồm 15 phần, bà H tham gia 02 phần, bà H đóng được 02 kỳ hội sống. Đến tháng 01/2017 (âm lịch) chị Ttuyên bố bế hội. Bà H và chị Tthống nhất số tiền vốn bà H đóng cho dây hội này tổng cộng là 5.560.000 đồng.

Chị Tnợ bà H số tiền hội tổng cộng là 230.260.000 đồng, nhưng ngày 27/1/2017 bà H và chị Tthống nhất số tiền hội chị Tchỉ còn nợ bà H tổng cộng số tiền là 230.000.000 đồng. Hai bên có làm biên nhận nợ, biên nhận đó chị Tviết và ký tên.

Tất cả các biên nhận nợ chị Tghi Nguyễn Thị Mỹ L và ký tên L do tên thường gọi của chị Tlà Nguyễn Thị Mỹ L.

Như vậy, chị Tnợ bà H số tiền tổng cộng là 383.900.000 đồng. Bà H có yêu cầu chị Ttrả tiền nhiều lần nhưng chị Tkhông thực hiện và cố tình lánh mặt.

Nay bà H yêu cầu chị Nguyễn Thị T(tên thường gọi là Nguyễn Thị Mỹ L) trả lại bà H số tiền tổng cộng là 383.900.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật. Bà H không yêu cầu tính lãi.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị T (L) đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp “ Hợp đồng vay tài sản, hợp đồng góp hụi và hợp đồng mua bán tài sản ” cần được xem xét, giải quyết theo quy định tại Điều 463, Điều 471, Điều 430 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn chị Nguyễn Thị T (L) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do và không có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Ngoài ra, qua xác nhận của Công an xã B, huyện G xác nhận Nguyễn Thị Tvà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1971 là một người.

[3] Nguyên đơn Huỳnh Thị H khởi kiện yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị T (L) trả số tiền nợ hụi là 230.000.000 đồng, số tiền vay là 100.000.000 đồng và số tiền mua thức ăn cho heo là 53.900.000 đồng, tổng cộng là 383.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[3.1] Đối với số tiền nợ hụi 236..00.000 đồng:

Nguyên đơn Huỳnh Thị H tham gia các dây hụi do chị Nguyễn Thị T (L) gồm nhiều dây hụi. Cụ thể như sau:

+ Dây hụi 1: Hụi 2.000.000 đồng/tháng khai ngày 05/11/2015 (âm lịch), gồm 15 phần, bà H tham gia 02 phần, bà H đóng được 14 kỳ hụi sống. Đến tháng 01/2017 (âm lịch) chị Ttuyên bố bế hụi. Bà H và chị Tthống nhất số tiền vốn bà H đóng cho dây hụi này tổng cộng là 39.380.000 đồng.

+ Dây hụi 2: Hụi 2.000.000 đồng/tháng khai ngày 20/12/2015 (âm lịch), gồm 15 phần, bà H tham gia 02 phần, bà H đóng được 13 kỳ hụi sống. Đến tháng 01/2017 (âm lịch) chị Ttuyên bố bế hụi. Bà H và chị Tthống nhất số tiền vốn bà H đóng cho dây hụi này tổng cộng là 36.290.000 đồng.

+ Dây hụi 3: Hụi 3.000.000 đồng/tháng khai ngày 20/01/2016 (âm lịch), gồm 11 phần, bà H tham gia 01 phần, dây hụi này mãn vào ngày 20/12/2016 (âm lịch) bà H hốt hụi được số tiền 33.000.000 đồng. Nhưng chị Tchưa giao tiền hụi cho bà H thì đến tháng 01/2017 âm lịch chị Ttuyên bố bế hụi.

- Dây hụi 4: Hụi 2.000.000 đồng/tháng khai ngày 20/01/2016 (âm lịch), gồm 15 phần, bà H tham gia 02 phần, bà H đóng được 12 kỳ hụi sống. Đến tháng 01/2017 (âm lịch) chị Ttuyên bố bế hụi. Bà H và chị Tthống nhất số tiền vốn bà H đóng cho dây hụi này tổng cộng là 32.990.000 đồng.

- Dây hụi 5: Hụi 2.000.000 đồng/tháng khai ngày 30/02/2016 (âm lịch), gồm 15 phần , bà H tham gia 02 phần, bà H đóng được 10 kỳ hụi sống. Đến tháng 01/2017 (âm

lịch) chị Tuyên bố bế hội. Bà H và chị Tthống nhất số tiền vốn bà H đóng cho dây hội này tổng cộng là 29.900.000 đồng.

- Dây hội 6: Hội 1.000.000 đồng/tháng khai ngày 25/05/2016 (âm lịch), gồm 15 phần, bà H tham gia 02 phần, bà H đóng được 08 kỳ hội sống. Đến tháng 01/2017 (âm lịch) chị Tuyên bố bế hội. Bà H và chị Tthống nhất số tiền vốn bà H đóng cho dây hội này tổng cộng là 11.440.000 đồng.

- Dây hội 7: Hội 2.000.000 đồng/tháng khai ngày 25/7/2016 (âm lịch), gồm 15 phần, bà H tham gia 02 phần, bà H đóng được 06 kỳ hội sống. Đến tháng 01/2017 (âm lịch) chị Tuyên bố bế hội. Bà H và chị Tthống nhất số tiền vốn bà H đóng cho dây hội này tổng cộng là 18.020.000 đồng.

- Dây hội 8: Hội 2.000.000 đồng/tháng khai ngày 30/8/2016 (âm lịch), gồm 15 phần, bà H tham gia 02 phần, bà H đóng được 04 kỳ hội sống. Đến tháng 01/2017 (âm lịch) chị Tuyên bố bế hội. Bà H và chị Tthống nhất số tiền vốn bà H đóng cho dây hội này tổng cộng là 12.100.000 đồng.

- Dây hội 9: Hội 2.000.000 đồng/tháng khai ngày 10/9/2016 (âm lịch), gồm 15 phần, bà H tham gia 02 phần, bà H đóng được 04 kỳ hội sống. Đến tháng 01/2017 (âm lịch) chị Tuyên bố bế hội. Bà H và chị Tthống nhất số tiền vốn bà H đóng cho dây hội này tổng cộng là 11.580.000 đồng.

- Dây hội 10: Hội 2.000.000 đồng/tháng khai ngày 15/11/2016 (âm lịch), gồm 15 phần, bà H tham gia 02 phần, bà H đóng được 02 kỳ hội sống. Đến tháng 01/2017 (âm lịch) chị Tuyên bố bế hội. Bà H và chị Tthống nhất số tiền vốn bà H đóng cho dây hội này tổng cộng là 5.560.000 đồng.

Chị Tnợ bà H số tiền hội tổng cộng là 230.260.000 đồng, nhưng ngày 27/1/2017 bà H và chị Tthống nhất số tiền hội chị T chỉ còn nợ bà H tổng cộng số tiền là 230.000.000 đồng. Hai bên có làm biên nhận nợ, biên nhận đó chị Tviết và ký tên.

[3] Xét, giữa bà Huỳnh Thị H và chị Nguyễn Thị T(L) đã xác lập hợp đồng góp hội, có lãi và hưởng hoa hồng. Trong đó bà Huỳnh Thị H là hội viên và chị Nguyễn Thị T(L) là chủ hội. Quá trình tham gia chơi hội, chị Nguyễn Thị T(L) không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của chủ hội là khai hội, Thui của các hội viên cho đến khi kết thúc hội là vi phạm nghĩa vụ của chủ hội được quy định tại các điều 15, 22 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hội, hiêu, phường. Do đó, việc bà Huỳnh Thị H khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị T trả số tiền nợ hội là 230.000.000 đồng là có căn cứ.

[3.2] Đối với số tiền vay 100.000.000 đồng: Nguyên đơn Huỳnh Thị H có cho bị đơn Nguyễn Thị T(L) mượn số tiền 100.000.000. Cụ thể:

+ Vào ngày 15/04/2016 (nhằm ngày 09/3/2016 âm lịch) chị Tvay 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 2%, thời hạn trả là vào ngày 18/4/2017 (nhằm ngày 22/3/2017 âm lịch) chị Tsẽ trả vốn và lãi cho bà H. Khi vay tiền hai bên có làm biên nhận, biên nhận do chị Tviết và ký tên.

+ Vào ngày 28/04/2016 (nhằm ngày 22/3/2016 âm lịch) chị Tvay 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 2%, thời hạn trả là vào ngày 18/4/2017 (nhằm ngày 22/3/2017 âm lịch) chị Tsẽ trả vốn và lãi cho bà H. Khi vay hai bên có làm biên nhận, biên nhận do chị Tviết và ký tên.

Xét, theo nội dung tờ giấy ghi “mùng 9 tháng 3 2016”, bị đơn Nguyễn Thị T(L) có mượn 02 lần, mỗi lần 50.000.000 đồng, tổng cộng là 100.000.000 đồng có ký tên “L” vào tờ giấy, thời hạn trả của hai lần mượn là vào ngày 22/3/2017, nhưng khi đến hạn trả

tiền thì bị đơn T(L) không trả tiền. Do bị đơn Nguyễn Thị T(L) đã vi phạm thời hạn trả tiền nên yêu cầu của nguyên đơn Huỳnh Thị Tđòi số tiền 100.000.000 đồng là có căn cứ.

[3.3] Đối với số tiền mua bán thức ăn cho heo: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Bà Huỳnh Thị H có bán cho bà Nguyễn Thị T(L) thức ăn chăn nuôi heo từ tháng 12/2016 với hình thức gói đầu, khi nào chị T(L) xuất chuồng bán heo sẽ trả tiền mua thức ăn cho bà H. Tính đến ngày 02/3/2017 chị T(L) nợ bà H số tiền mua thức ăn là 38.900.000 đồng. Đến ngày 04/3/2017 chị T(L) bán heo xong chỉ trả cho bà H số tiền 15.000.000 đồng, như vậy chị T(L) còn nợ bà H số tiền 53.900.000 đồng và hẹn vài ngày sau thanh toán nhưng chị T(L) không trả. Bà Huỳnh Thị H đã liên lạc yêu cầu chị Nguyễn Thị T (L) thanh toán số tiền mua thức ăn cho heo nhưng không trả. Nay bà Huỳnh Thị H khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị T(L) phải trả số tiền 53.900.000 đồng.

[4] Bị đơn Nguyễn Thị T(L) đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không nộp bản tự khai, không đưa ra tài liệu, chứng cứ phản đối yêu cầu của nguyên đơn và vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên tòa là đã từ bỏ quyền lợi của mình, đồng thời đây cũng là những tình tiết và sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Ngoài ra tất cả các biên nhận nợ chị Tđều ký tên vào và ghi Nguyễn Thị Mỹ L và ký tên L do tên thường gọi của chị Tlà Nguyễn Thị Mỹ L.

[5] Tổng cộng, bị đơn Nguyễn Thị T(L) phải trả cho nguyên đơn Huỳnh Thị H số tiền nợ hội, vay, mua bán thức ăn tổng cộng là 383.900.000 đồng.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tphải nộp 19.150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, hoàn lại cho bà Huỳnh Thị H tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 430, Điều 463, 466, 468 và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hộ, hội, hiệu, phường; Điều 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, hiệu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị H.

1. Buộc chị Nguyễn Thị T (L) phải trả cho bà Huỳnh Thị H số tiền nợ hội, vay, mua bán thức ăn là 383.900.000 đồng (Ba trăm tám mươi ba triệu chín trăm ngàn đồng). Trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Nguyễn Thị T (L) chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T (L) phải nộp 19.150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Huỳnh Thị H 9.600.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai T số 0018179 ngày 16/10/2020 của Chi cục thi hành án huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Huỳnh Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị T(L) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Quốc An